

Bản án số: 43/2022/HNGĐ-ST  
Ngày 15-12-2022  
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bình

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Vũ Văn Lẫy

Bà Hoàng Thị Chính.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng.

Ngày 15 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 74/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 580/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Phùng Thị L, sinh năm 1970; cư trú tại: Tổ Đ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

**- Bị đơn:** Ông Thái Quốc H, sinh năm 1963; cư trú tại: Tổ Đ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn xin ly hôn đề ngày 24 tháng 10 năm 2022 và bản tự khai ngày 04 tháng 11 năm 2022, nguyên đơn là bà Phùng Thị L trình bày:*

Bà và ông Thái Quốc H kết hôn năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, nhưng hai bên không trực tiếp đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn mà nhờ một cán bộ Ủy ban nhân dân phường C, thị xã K (không nhớ rõ là ai) làm thủ tục đăng ký kết hôn hộ. Sau đó họ có đưa lại cho bà 01 Giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, trong quá trình bảo quản bà đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn này. Trước khi nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn bà đã có đơn đề nghị Phòng Tư pháp quận K là nơi hiện đang lưu giữ sổ đăng ký hộ tịch sao lục Giấy chứng nhận kết hôn thì được trả lời: Sổ gốc lưu trữ đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân phường C, thị xã K năm 1989 không có tên bà và ông Thái Quốc H nên bà không có Giấy chứng nhận kết hôn để giao nộp cho Tòa án. Về quá trình chung sống giữa bà và ông Thái Quốc H thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Từ năm 2017 đến nay bà và ông H đã sống ly thân, không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy, bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà và ông H được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Bà và ông Thái Quốc H có 02 con chung là Thái Thu H, sinh năm 1989 và Thái Thị Hà V, sinh năm 1994. Hiện cả 02 con đều đã thành niên nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Bà và ông Thái Quốc H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai ngày 17/11/2022, bị đơn là ông Thái Quốc H trình bày:*

Ông và bà Phùng Thị L kết hôn năm 1989 trên cơ sở tự nguyện, nhưng hai bên không trực tiếp đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký kết hôn mà bà L đã nhờ một cán bộ Ủy ban nhân dân phường C, thị xã K (không nhớ rõ là ai) làm thủ tục đăng ký kết hôn hộ. Sau đó họ có đưa lại cho ông bà 01 Giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, trong quá trình bảo quản ông bà đã làm mất Giấy chứng nhận kết hôn này. Trước khi nộp đơn ra Tòa án xin ly hôn, bà L đã có đơn đề nghị Phòng Tư pháp quận K là nơi hiện đang lưu giữ sổ đăng ký hộ tịch sao lục Giấy chứng nhận kết hôn thì được trả lời: Sổ gốc lưu trữ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã K năm 1989 không có tên ông và bà Phùng Thị L nên ông bà không có Giấy chứng nhận kết hôn để giao nộp cho Tòa án. Về quá trình chung sống giữa ông và bà Phùng Thị L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Từ năm 2017 đến nay, hai bên đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Vì vậy, ông cũng đề nghị Tòa án giải quyết cho ông và bà Phùng Thị L được ly hôn để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Ông và bà Phùng Thị L có 02 con chung là Thái Thu H, sinh năm 1989 và Thái Thị Hà V, sinh năm 1994. Hiện cả 02 con đều đã thành niên nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Ông và bà Phùng Thị L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình về Ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Thái Quốc H hiện cư trú tại: Tổ Đ 1, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ nhất, tại phiên tòa, các đương sự đều vắng mặt và có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Bà Phùng Thị L và ông Thái Quốc H kết hôn năm 1989 trên cơ sở tự nguyện. Mặc dù ông bà đều khai có nhờ 01 cán bộ Ủy ban phường C đăng ký kết hôn hộ, nhưng lại không xuất trình được Giấy chứng nhận kết hôn. Theo Công văn số 392/TP ngày 04/11/2022 của Phòng Tư pháp quận K về việc trả lời đơn của công dân Phùng Thị L: Sổ đăng ký hộ tịch hiện đang được Phòng Tư pháp quận K quản lý và lưu giữ. Tuy nhiên, qua kiểm tra sổ gốc lưu trữ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường C, thị xã K năm 1989 không thấy tên bà Phùng Thị L và ông Thái Quốc H. Như vậy, Hội đồng xét xử thấy không có căn cứ để xác định bà Phùng Thị L và ông Thái Quốc H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986. Nay bà Phùng Thị L và ông Thái Quốc H xin ly hôn, theo hướng dẫn tại khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số: 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình:

*“4. Trường hợp nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn (không phân biệt có vi phạm điều kiện kết hôn hay không) và có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật hoặc yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý, giải quyết và áp dụng Điều 9 và Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa họ. Nếu có yêu cầu Tòa án giải quyết về quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ, con; quan hệ tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật hôn nhân và gia đình.”*

Vì vậy, Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Phùng Thị L và ông Thái Quốc H.

[3] Về con chung: Bà Phùng Thị L và ông Thái Quốc H xác nhận có 02 con chung là Thái Thu H, sinh năm 1989 và Thái Thị Hà V, sinh năm 1994. Hiện cả 02 con đều đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[4] Về tài sản chung: Bà Phùng Thị L và ông Thái Quốc H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về án phí: Nguyên đơn là bà Phùng Thị L phải nộp án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 và Điều 273

của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 9 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

*Tuyên xử:*

1. Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ hôn nhân giữa bà Phùng Thị L và ông Thái Quốc H.

2. Về con chung: Bà Phùng Thị L và ông Thái Quốc H xác nhận có 02 con chung là Thái Thu H, sinh năm 1989 và Thái Thị Hà V, sinh năm 1994 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung: Bà Phùng Thị L và ông Thái Quốc H tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Phùng Thị L phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí sơ thẩm. Bà L đã nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) - tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0003716 ngày 04 tháng 11 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng. Bà L đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- TANDTP Hải Phòng;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bình**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Bình**